

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2017

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường**

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;*

*Thực hiện văn bản số 8774/VPCP-KTTH ngày 14/10/2016 của Văn phòng Chính phủ về nguồn vốn để hỗ trợ 10% tổng vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Thông tư này hướng dẫn về trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư đối với các dự án thực hiện hoạt động sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (sau đây viết tắt là Dự án) được quy định tại Khoản 3, Điều 42 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP).

**2. Đối tượng áp dụng:**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hỗ trợ vốn các Dự án nêu tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 2. Đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, mức vốn hỗ trợ**

1. Đối tượng được hỗ trợ vốn:

Chủ đầu tư Dự án.

2. Điều kiện được hỗ trợ vốn:

Dự án đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Dự án hoạt động theo quy định tại Khoản 11 Phụ lục III, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP;

b) Dự án được lập, thẩm định, phê duyệt hoặc cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (sau đây viết tắt là GCNĐKĐT) đối với các trường hợp phải cấp GCNĐKĐT theo đúng quy định của pháp luật;

c) Dự án đã hoàn thành, nghiệm thu, quyết toán;

d) Dự án đã kết thúc thời gian chạy thử và đủ điều kiện vận hành bình thường.

3. Mức vốn hỗ trợ:

Bằng 10% tổng vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường của Dự án theo báo cáo quyết toán của Chủ đầu tư được phê duyệt sau khi đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hoạt động theo pháp luật của Việt Nam.

**Điều 3. Cơ quan hỗ trợ vốn**

Là Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (sau đây viết tắt là Quỹ BVMTVN), trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây viết tắt là Bộ TN&MT).

**Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ**

Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm theo quy định tại Mục a, Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMTVN (sau đây viết tắt là Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg) và quy định tại Mục a, Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ BVMTVN (sau đây viết tắt là Thông tư số 132/2015/TT-BTC).

**Điều 5. Hình thức hỗ trợ**

Dự án được hỗ trợ vốn sau đầu tư một (01) lần, không phải hoàn trả.

**Điều 6. Lập kế hoạch vốn hỗ trợ**

1. Chủ đầu tư gửi Quỹ BVMTVN hồ sơ lần đầu làm cơ sở đăng ký kế hoạch hỗ trợ vốn, bao gồm:

a) Văn bản đăng ký hỗ trợ vốn, gồm các thông tin cơ bản về:

- Chủ đầu tư;

- Dự án;